

Bản án số: 39/2025/HS-ST
Ngày: 18-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Căn
bà Đinh Thanh Hoàn

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 15/8/1995, tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn T, xã B, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Sán Chỉ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị C; có vợ Ninh Móc C1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 05/10/2024, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Q – Khu vực giam giữ M, có mặt.

2. Họ và tên: **Ninh A L2**, sinh ngày 10/10/1973, tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn T, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Sán Chỉ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh A H1 và bà Vây Móc P; có vợ Tăng Móc Vôi và 04 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/01/2002, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt 03 năm tù, về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 05/10/2024, tạm giữ, tạm giam đến ngày 14/4/2025, được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp “bảo lãnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

3. Họ và tên: **Sần A L**, sinh ngày 13/3/1989, tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn T, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Sán Chỉ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sần A L1 và bà Ninh Móc M; có vợ Ninh Móc Dầu và

03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 05/10/2024, tạm giữ, tạm giam đến ngày 14/4/2025, được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp “bảo lãnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Ninh Móc D1, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn T, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người chứng kiến: anh Nguyễn Văn T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: do có quen biết nhau từ trước, nên khoảng 15 giờ ngày 04/10/2024, Nguyễn Văn D được một người đàn ông tên “A T1” (không rõ lai lịch, địa chỉ) liên lạc qua ứng dụng W đặt vấn đề thuê D dùng bè mảng đi sang bờ sông biên giới phía Trung Quốc vận chuyển 02 bao hàng điện thoại di động từ Trung Quốc về Việt Nam tại khu vực bờ sông biên giới thuộc thôn T, xã H, thành phố M, với tiền công 600 CNY (sáu trăm nhân dân tệ Trung Quốc)/chuyến, D đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D gọi điện thoại cho Ninh A L2 (là bố vợ) và bảo L2 dùng bè mảng phao xốp của D đi sang bờ sông biên giới phía Trung Quốc (khu vực đối diện Cột mốc 1351/1(2) thuộc thôn T, xã H), vận chuyển 02 bao hàng điện thoại di động về Việt Nam, với tiền công 600.000 đồng/chuyến, L2 đồng ý và nói sẽ gọi thêm người đi cùng. Tiếp đến, khoảng 19 giờ ngày 04/10/2024, L2 sang nhà của Sần A L (là cháu rể) và bảo L cùng đi vận chuyển hàng điện thoại, với tiền công 300.000 đồng/chuyến, L đồng ý. Sau đó, L lấy xe mô tô biển kiểm soát 14K1-026.65 của L chở L2 đến khu vực cổng chào thôn T và để xe mô tô lại, rồi cả hai đi xuống khu vực bờ sông biên giới gần Cột mốc 1350(1) thuộc thôn T, lấy bè mảng của D, rồi L điều khiển bè mảng chở L2 đi từ bờ sông biên giới phía Việt Nam sang bờ sông biên giới phía Trung Quốc (khu vực đối diện Cột mốc 1351/1(2)) và dùng bè lại để chờ lấy hàng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, L2 và L nghe thấy có tiếng gọi của 01 người đàn ông Trung Quốc, nên L điều khiển bè mảng cập vào bờ sông để nhận hàng điện thoại, lúc này có 02 người đàn ông Trung Quốc đưa 02 bao tải chứa điện thoại và 01 chiếc bộ đàm cầm tay (để liên lạc trong quá trình vận chuyển) qua hàng rào sắt biên giới phía Trung Quốc giao cho L2 và L. Nhận hàng xong, L2 và L mỗi người vác 01 bao đem xuống bè và cất giấu vào trong chiếc thùng tôn ở phía cuối bè mảng, rồi L điều khiển bè mảng đi về bờ sông biên giới phía Việt Nam. Đến 21 giờ 45 phút ngày 04/10/2024, khi L điều khiển bè mảng chở L2 và 02 bao hàng điện thoại di động về đến khu vực bờ sông biên giới gần C mốc 1349/2(1)-250m thuộc thôn T, xã H, thành phố M, thì bị Tổ công tác của Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội Biên phòng tỉnh Q phối hợp với Đoàn Biên phòng P1 và Công an thành phố M kiểm tra, bắt giữ được Ninh A, còn Sần A L bỏ chạy.

Quá trình kiểm tra, thu giữ 01 bè mảng phao xốp có khung sắt, dài 7,5m, rộng 1,6m, gắn 01 máy nổ có ký hiệu OHV, phía cuối bè mảng có gắn 01 thùng tôn, kích thước (65x50x50)cm, bên trong thùng tôn có 02 bao tải chứa màu xanh, đầu mỗi bao buộc dây nylon màu đỏ; trong bao thứ nhất có tổng cộng 41 bọc nylon

(gồm 27 bọc nilon màu trắng và 14 bọc nilon màu đỏ, đều được quấn băng dính), bên trong có tổng cộng 235 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu các loại (trong đó: 88 chiếc Iphone 8 Plus; 39 chiếc Iphone 11; 42 chiếc Iphone 12; 35 chiếc Iphone 12 Pro; 03 chiếc Iphone 12 Pro Max; 18 chiếc Samsung Galaxy S22 Plus; 10 chiếc Samsung Galaxy S21 FE); trong bao thứ hai có tổng cộng 30 bọc nilon (gồm 14 bọc nilon màu trắng và 16 bọc nilon màu đỏ, đều được quấn băng dính), bên trong có tổng cộng 204 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu các loại (trong đó: 42 chiếc Iphone 8 Plus; 78 chiếc Iphone 11; 30 chiếc Iphone 12; 22 chiếc Iphone 12 Pro; 12 chiếc Samsung Galaxy S22 Plus; 20 chiếc Samsung Galaxy S21 FE. Tổng cộng là 439 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu các loại, đều không có hóa đơn, chứng từ, chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa. Ngoài ra, còn thu giữ của Ninh A L2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, gắn sim số 0394.795.528 và 01 bộ đàm nhãn hiệu Exunca, màu đen.

Ngày 05/10/2024, Sãn A L đến Đoàn Biên phòng P1 - Bộ đội Biên phòng tỉnh Q đầu thú. Căn cứ vào tài liệu điều tra, Đoàn Biên phòng P2 Hèn ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn D; thu giữ của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, gắn sim số 0842.532.783; của Sãn A L 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen đỏ, biển kiểm soát 14K1-026.65 do Ninh Móc D1 (vợ của L) giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 1267/KL-ĐGTS ngày 05/10/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố M, kết luận: lô hàng gồm 439 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu các loại (trong đó: 130 chiếc Iphone 8 Plus; 117 chiếc Iphone 11; 72 chiếc Iphone 12; 57 chiếc Iphone 12 Pro; 03 chiếc Iphone 12 ProMax; 30 chiếc Samsung Galaxy S22 Plus; 30 chiếc Samsung Galaxy S21 FE), có tổng trị giá 1.640.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A và Sãn A L, đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, D còn khai người đàn ông tên “A T1” chỉ nói là vận chuyển hàng điện thoại đến đường Q, thì mới gửi số điện thoại của người nhận để giao hàng, còn giao cho ai để tiếp tục vận chuyển đi đâu không rõ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ninh M1 Dầu có lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen đỏ, biển kiểm soát 14K1-026.657 là của chị D1 và chồng là Sãn A L mua mới và đăng ký mang tên Sãn A L vào năm 2011. Chiếc xe mô tô trên là tài sản chung của vợ chồng, là phương tiện duy nhất để phục vụ sinh hoạt đi lại của gia đình và đưa đón các con đi học, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe cho chị D1.

Người chứng kiến anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 04/10/2024 anh T đang ở nhà thì được cán bộ Đoàn Biên phòng Pò Hèn mời đến khu vực M(1) để chứng kiến việc kiểm tra một người đàn ông cùng với một mảng xốp, hàng hóa trên mảng xốp. Khi đến nơi, anh T được nghe người đàn ông đang bị bắt giữ khai tên là Ninh A L2, sinh năm, 1973, nhà ở thôn T, xã H, thành phố M, L2 khai nhận

đang cùng Sần A L (L là cháu của L2, gần nhà L2) vận chuyển trái phép điện thoại từ Trung Quốc về Việt Nam, để lấy tiền công thì bị bắt giữ, còn L bỏ trốn đi đâu L2 không rõ. Anh T thấy cán bộ Biên phòng kiểm tra ở thùng tôn phía cuối mảng xốp có hai bao tải dừa màu xanh, bên trong hai bao tải dừa màu xanh đều chứa điện thoại di động. Ngoài ra, anh T thấy cán bộ Biên phòng còn thu giữ của L2 một điện thoại di động và một bộ đàm cầm tay. Sau đó anh T được mời về Đoàn Biên phòng P1 để chứng kiến việc kiểm đếm điện thoại trong hai bao tải dừa màu xanh chứa 439 chiếc điện thoại di động các loại. Toàn bộ số hàng hóa trên L2 không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ.

Tại bản Cáo trạng số: 590/CT-VKSMC, ngày 20/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử.

Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn D từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2024.

Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ninh A L2 từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58; của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sần A L từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

Giao các bị cáo Ninh A L2, Sần A L cho Ủy ban Nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Nhân dân xã H, thành phố M trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của

bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) sợi dây nilon, màu đỏ; 02 (hai) thùng xốp màu trắng, kích thước (35x53x47)cm; các sim điện thoại số 0394.795.528; 0842.532.783. Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 130 (một trăm ba mươi) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus; 117 (một trăm mười bảy) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11; 72 (bảy mươi hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12; 57 (năm mươi bảy) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro; 03 (ba) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; 30 (ba mươi) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Plus; 30 (ba mươi) chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S21Fe; 02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen; 01 (một) bộ đàm cầm tay nhãn hiệu Exunca, màu đen; 01 (một) bè mảng xốp, khung bằng sắt, bên trong là các tấm xốp, chiều dài khoảng 7,5 mét, rộng khoảng 1,6m, lắp 01 máy nổ ký hiệu OHV không xác định công suất, phía cuối mảng xốp có một thùng tôn gắn liền, đã qua sử dụng (bè mảng hiện đang được trông coi tại Đồn Biên phòng P1). Trả lại: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Surius, màu đen đỏ, biển kiểm soát 14K1-026.65, số khung: C630BY1559201; số máy: 5C63-559126 cho bị cáo Sần A L và chị Ninh Móc D1.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố các bị cáo. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội*: tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác

có trong hồ sơ vụ án như: vật chứng thu giữ, biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với lời khai của người chứng kiến cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: hồi 21 giờ 45 phút, ngày 04/10/2024, tại khu vực bờ sông biên giới gần C mốc 1349/2(1)-250m thuộc thôn T, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn D, Ninh A và Sần A L có hành vi vận chuyển trái phép 439 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu các loại, không có hóa đơn, chứng từ, chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, có tổng trị giá 1.640.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng) từ Trung Quốc vào Việt Nam bị Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội Biên phòng tỉnh Q phối hợp với Đoàn Biên phòng P1 và Công an thành phố M kiểm tra phát hiện, bắt thu giữ vật chứng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong quản lý ngoại thương, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa nhưng do ham lợi các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lời, kiếm lời bất chính để chi tiêu cá nhân. Hành vi của các bị cáo không những gây thất thu cho ngân sách nhà nước mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới trật tự, an ninh xã hội, vì vậy cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng ngừa chung.

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Văn D là người trực tiếp điện cho Ninh A L2, dùng bề mặt của mình để Ninh A, Sần A L vận chuyển số điện thoại trên từ Trung Quốc vào Việt Nam, nên giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo Ninh A L2, Sần A L tích cực giúp D vận chuyển số điện thoại trên về Việt Nam, do đó bị cáo các L2, L có vai trò ngang nhau nên phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình nhưng thấp hơn bị cáo D.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo Ninh A có nhân thân xấu, các bị cáo Nguyễn Văn D, Sần A L đều có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Sần A L sau khi phạm tội đã ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L đều được chính địa phương xác nhận trước khi phạm tội gia đình các bị cáo luôn chấp hành tốt quy định của địa phương cũng như mọi chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; gia đình bị cáo Ninh A L2 nhiều năm đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” và được UBND xã H tặng Giấy khen “Gia đình văn hóa” vì đã có thành tích 3 năm liên tục đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, nên các bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Ninh A L2 sau khi bị bắt đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để phát hiện các đồng phạm khác trong vụ án, nên cần cho bị cáo Ninh A L2 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Sần A L trong thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid-19 bị cáo tích cực tham gia các tổ phòng chống dịch của địa phương, được Chủ tịch UBND xã H tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19 năm 2020 nên cần cho bị cáo Sần A L hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:* căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy đến nay các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhưng dù có xem xét giảm nhẹ đến đâu, thì với giá trị hàng hóa các bị cáo vận chuyển cũng phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, buộc các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Ninh A L2, Sần A L với vai trò giúp sức trong vụ án, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Ngoài ra, bị cáo Ninh A L2 thường xuyên ốm đau, phải uống thuốc điều trị; bị cáo Sần A L có con còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo Ninh A L2, Sần A L mà để các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội cùng với sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình thì cũng thể hiện sự nghiêm khắc với hậu quả của các bị cáo gây ra, đồng thời cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Vì vậy, chưa cần thiết buộc các bị cáo Ninh A, Sần A L phải đi chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Ninh A, Sần A L được cải tạo, giáo dục tại địa phương để các bị cáo L2, L thấy được tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa mà tích cực cải tạo thành người lương thiện, công dân có ích cho xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* theo quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật

Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản và biện pháp tư pháp:

- Đối với 02 (hai) sợi dây nylon, màu đỏ; 02 (hai) thùng xốp màu trắng, kích thước (35x53x47)cm; các sim điện thoại số 0394.795.528; 0842.532.783 là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 130 (một trăm ba mươi) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus; 117 (một trăm mười bảy) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11; 72 (bảy mươi hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12; 57 (năm mươi bảy) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro; 03 (ba) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; 30 (ba mươi) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Plus; 30 (ba mươi) chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S21Fe, đều đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen và 01 (một) bộ đàm cầm tay nhãn hiệu Exunca, màu đen, đều đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Ninh A L2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen và 01 (một) bề mằng xốp, khung bằng sắt, bên trong là các tấm xốp, chiều dài khoảng 7,5 mét, rộng khoảng 1,6m, lắp 01 máy nổ ký hiệu OHV không xác định công suất, phía cuối mằng xốp có một thùng tôn gắn liền, đều đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D đây là vật chứng công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Surius, màu đen đỏ, biển kiểm soát 14K1-026.65. Quá trình điều tra xác định là tài sản chung hợp pháp của bị cáo Sần A L và vợ là Ninh Móc D1. Chị D1 không biết bị cáo dùng chiếc xe vào việc phạm tội, chiếc xe là tài sản phương tiện duy nhất để phục vụ sinh hoạt trong gia đình và đưa đón các con đi học, nên cần trả lại cho bị cáo Sần A L và chị Ninh Móc D1.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên “A T1” theo Nguyễn Văn D khai là người đã thuê vận chuyển trái phép hàng điện thoại từ Trung Quốc vào Việt Nam, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể, nên không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[9] Về án phí: cần buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi-nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn D 06 (sáu) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2024.

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ninh A L2 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58; của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sần A L 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Ninh A L2, Sần A L cho Ủy ban Nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Nhân dân xã H, thành phố M trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng, tài sản và biện pháp tư pháp: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) sợi dây nilon, màu đỏ; 02 (hai) thùng xốp màu trắng, kích thước (35x53x47)cm; các sim điện thoại số 0394.795.528; 0842.532.783.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 130 (một trăm ba mươi) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus; 117 (một trăm mười bảy) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11; 72 (bảy mươi hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12; 57 (năm mươi bảy) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro; 03 (ba) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; 30 (ba mươi) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Plus; 30 (ba mươi) chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S21 FE, đều đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 865039062595873, số IMEI 2: 3865039062595865, đã qua sử dụng; 01 (một) bộ đàm cầm tay nhãn hiệu

Exunca, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen số IMEI 1: 865222044199812, số IMEI 2: 865222044199804, đã qua sử dụng; 01 (một) bè mảng xốp, khung bằng sắt, bên trong là các tấm xốp, chiều dài khoảng 7,5 mét, rộng khoảng 1,6m, lắp 01 máy nổ ký hiệu OHV không xác định công suất, phía cuối mảng xốp có một thùng tôn gắn liền, đã qua sử dụng (bè mảng hiện đang được trông coi tại Đồn Biên phòng P1).

- Trả lại cho bị cáo Sần A L và chị N Móc Dầu: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Surius, màu đen đỏ, biển kiểm soát 14K1-026.65, số khung: C630BY1559201; số máy: 5C63-559126, xe cũ đã qua sử dụng.

(tình trạng số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng số: 59/2025/THA, ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Cơ quan CSĐT Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh).

3. *Về án phí:* căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D, Ninh A, Sần A L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi-nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC 10);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Phòng HSNV Công an tỉnh (PV 06);
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương